Nội dung bài viết

1. Look, listen and repeat.
2. Point, say and do the actions.
3. Let's talk.
4. Listen and tick.
5. Look and write.
6. Let's play.

Tiếng Anh lớp 3 Unit 6 Lesson 1 trang 40 - 41 Tập 1 hay nhất

Look, listen and repeat.

(Nhìn, nghe và đọc lại).

Bài nghe:

a) Good morning, Mr Loc.

Good morning, class. Sit down, please!

b) Be quiet, boys!

Sorry, Sir.

Hướng dẫn dịch:

a) Chào buổi sáng, thầy Lộc. / Chào thầy Lộc buổi sáng!

Chào buổi sáng, cả lớp. Mời các em ngồi!

(Chào các em buổi sáng!)

b) Hãy giữ im lặng nào, các chàng trai/ cậu bé!

Chúng em xin lỗi thầy.

Point, say and do the actions.

(Chỉ, nói và thực hiện những hành động).

Stand up! (Mời em đứng lên!)

a) come here

b) don't talk

c) open your book

d) close your book

Hướng dẫn dịch:

a) lại đây/đến đây.

b) không nói chuyện /im lặng.

c) hãy mở sách ra.

d) hãy đóng/gấp sách lại.

Let's talk.

(Chúng ta cùng nói).

Don't talk!

Come here, please!

Open your book, please!

Close your book, please!

Stand up, please!

Sit down, please!

Hướng dẫn dịch:

Không nói chuyện!

Xin vui lòng đến đây!

Xin vui lòng mở sách ra!

Xin vui lòng đóng sách lại!

Mời (em) đứng lên!

Mời (em) ngồi xuống!

Listen and tick.

(Nghe và đánh dấu tick.)

Bài nghe:

1. a 2. c 3. c

Nội dung bài nghe:

1. Mr Loc: Good morning, boys and girls.

Class: Good morning, Mr Loc.

Mr Loc: Sit down, please!

2. Miss Hien: Be quiet, boys!

Boy: Sorry, Miss Hien.

3. Class: Goodbye, Mr Loc.

Mr Loc: Goodbye, class. Linda, come here, please!

Hướng dẫn dịch:

1. Thầy Lộc: Chào buổi sáng, các bạn nam và bạn nữ.

Cả lớp: Chào buổi sáng thầy Lộc ạ.

Thầy Lộc: Ngồi xuống đi!

2. Cô Hiền: Hãy yên lặng, các bạn nam!

Cậu bé: Xin lỗi cô Hiền ạ.

3. Cả lớp: Tạm biệt thầy Lộc ạ.

Thầy Lộc: Tạm biệt cả lớp. Linda, đến đây, làm ơn!

Look and write.

(Nhìn và viết).

5 Look and write.

1. Open your book, please!

2. Be quiet, please!

3. Close your book, please!

4. Sit down, please!

5. Come here, please!

6. Stand up, please!

Hướng dẫn dịch:

1. Xin vui lòng mở sách ra!

2. Hãy giữ im lặng nào!

3. Xin vui lòng đóng sách lại!

4. Xin vui lòng ngồi xuống! / Mời ngồi xuống!

5. Xin vui lòng đến đây!/ Đến đây nào!

6. Xin vui lòng đứng lên! / Mời đứng lên!

Let's play.

(Chúng ta cùng chơi).

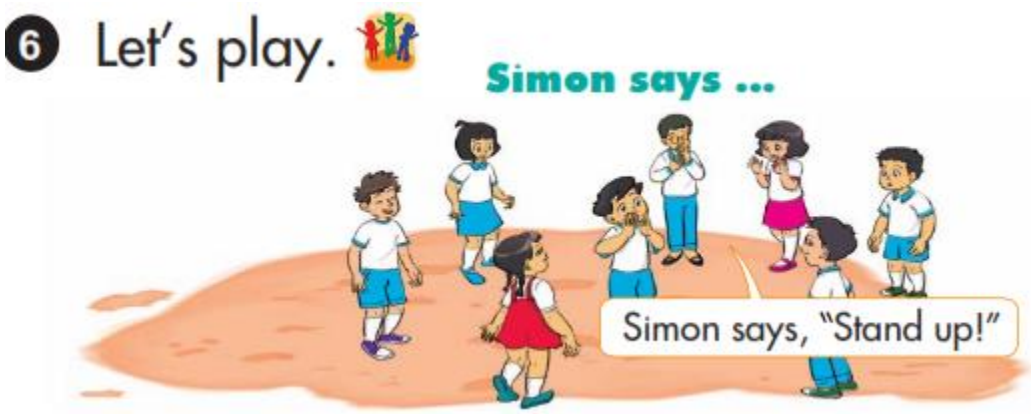

Giáo viên sẽ hướng dẫn cho học sinh tham gia trò chơi "Simon says...". Trước tiên chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm có 8 học sinh. Ví dụ giáo viên sẽ đưa ra một vài biểu hiện cho học sinh chơi trò chơi này: "hold your hand(s), turn left, close your eyes, touch your head, v.v…" Viết những biểu hiện này lên bảng và yêu cầu học sinh lặp lại một vài lần. Sau đó chỉ tay vào từng bức tranh và yêu cầu học sinh bình luận những gì mà các em thấy. Một học sinh trong nhóm sẽ thực hiện hành động của Simon để nói lên sự biểu cảm. Những học sinh khác trong nhórn đó sẽ thực hiện hành động. Những học sinh nào có hành động trùng khớp với biểu hiện của bức tranh đó sẽ được ở lại nhóm, bạn nào làm sai sẽ phải rời khỏi cuộc chơi.